

UBND TỈNH QUẢNG NGÃI
SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ PTNT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /SNNPTNT-KHTC

Quảng Ngãi, ngày tháng 01 năm 2024

V/v lấy ý kiến các nội dung liên quan để hoàn thiện Dự thảo Quy định trợ cấp cho hộ gia đình tham gia bảo vệ rừng, khoanh nuôi xúc tiến tái sinh có trồng bổ sung, trồng rừng phòng hộ, trồng rừng sản xuất và phát triển lâm sản ngoài gỗ

Kính gửi:

- Sở Tài chính;
- Ban Dân tộc tỉnh;
- UBND các huyện: Ba Tơ, Sơn Tây, Sơn Hà, Trà Bồng và Minh Long.

Ngày 28/3/2024, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn phối hợp với sở, ngành và UBND các huyện tổ chức cuộc họp để thống nhất phương pháp xác định số lượng gạo trợ cấp cho hộ gia đình tham gia bảo vệ rừng, khoanh nuôi xúc tiến tái sinh có trồng bổ sung, trồng rừng phòng hộ, trồng rừng sản xuất và phát triển lâm sản ngoài gỗ.

Theo ý kiến thống nhất tại cuộc họp, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn đề nghị các sở, ngành và địa phương tham gia ý kiến các nội dung liên quan để hoàn thiện Dự thảo Quy định trợ cấp gạo, cụ thể như sau:

1. Xác định số khẩu bình quân:

a) Căn cứ kết quả khảo sát theo Quyết định số 95/QĐ-TCTK ngày 29/01/2021 của Tổng Cục trưởng Tổng cục Thống kê và sử dụng số liệu nhân khẩu do một số huyện nằm trong phạm vi thực hiện Tiểu dự án 1 – Dự án 3 cung cấp.

Kết quả xác định số khẩu bình quân của 01 hộ gia đình là **04 khẩu/hộ**; Tuy nhiên, trong thực tế sẽ có những hộ gia đình có trên 04 khẩu và cũng có hộ gia đình dưới 04 khẩu. Do vậy, trong quá trình triển khai rà soát, xây dựng dự án, số khẩu của 01 hộ gia đình sẽ căn cứ vào số khẩu thực tế, nhưng tối đa không quá 04 khẩu/hộ.

b) Ý kiến của sở, ngành, địa phương:

Đồng ý

Không đồng ý

Ý kiến khác

2. Xác định thời gian trợ cấp:

a) Theo số liệu điều tra lương thực bình quân đầu người tại các xã khu vực II, III thuộc huyện Trà Bồng. Theo đó, lương thực bình quân đầu người đạt xấp xỉ 130 kg thóc/khẩu/năm, tương ứng với 93 kg gạo/khẩu/năm (quy đổi 1,0 kg thóc tương ứng với 0,71 kg gạo). Như vậy, đối chiếu theo quy định thì mức độ thiếu

hạt lương thực trong năm là $(180 \text{ kg/khẩu/năm}^1 - 93 \text{ kg/khẩu/năm} = 87 \text{ kg/khẩu/năm, tương ứng với } 87/15 = 5,8 \text{ tháng})$; kết quả xác định thời gian chưa tự túc được lương thực tối đa là **06 tháng/năm** (tùy theo điều kiện của từng địa phương để xác định thời gian chưa tự túc được lương thực, nhưng tối đa không quá 06 tháng/năm).

b) Ý kiến của sở, ngành, địa phương:

Đồng ý

Không đồng ý

Ý kiến khác

3. Xác định số lượng gạo trợ cấp tối đa cho 01 hộ gia đình:

a) Trên cơ sở mức trợ cấp 15 kg gạo/khẩu; số khẩu tối đa của 01 hộ gia đình là 04 khẩu/hộ; thời gian trợ cấp tối đa cho 01 hộ là 06 tháng; kết quả xác định số lượng gạo trợ cấp cho 01 hộ gia đình tối đa là **360 kg/hộ/năm²** ($15\text{kg/khẩu/tháng} \times 06 \text{ tháng} \times 04 \text{ khẩu} = 360 \text{ kg/hộ/năm}$). (tùy theo điều kiện của từng địa phương để xác định số khẩu thực tế, thời gian chưa tự túc được lương thực, nhưng tối đa không quá 04 khẩu/hộ và 06 tháng/năm).

b) Ý kiến của sở, ngành, địa phương:

Đồng ý

Không đồng ý

Ý kiến khác

4. Phương pháp tính toán:

a) Số lượng gạo trợ cấp cho 01 hộ gia đình = Số khẩu nhân với (*) mức trợ cấp/khẩu/tháng nhân với (*) số tháng

Ví dụ: Hộ gia đình A có 03 khẩu tham gia bảo vệ rừng, khoanh nuôi xúc tiến tái sinh có trồng bổ sung, trồng rừng phòng hộ, trồng rừng sản xuất và phát triển lâm sản ngoài gỗ trên diện tích đất lâm nghiệp; thời gian trợ cấp là 06 tháng.

Xác định tổng mức gạo trợ cấp đối với hộ gia đình này như sau: (03 khẩu x 15 kg/khẩu/tháng x 6 tháng = 270 kg gạo)

Ví dụ 2: Hộ gia đình B có 04 khẩu tham gia bảo vệ rừng, khoanh nuôi xúc tiến tái sinh có trồng bổ sung, trồng rừng phòng hộ, trồng rừng sản xuất và phát triển lâm sản ngoài gỗ trên diện tích đất lâm nghiệp là 06 tháng. Xác định tổng mức gạo trợ cấp đối với hộ gia đình này như sau:

(04 khẩu x 15 kg/khẩu/tháng x 6 tháng = 360 kg gạo)

Ví dụ 3: Hộ gia đình C có 05 khẩu tham gia bảo vệ rừng, khoanh nuôi xúc tiến tái sinh có trồng bổ sung, trồng rừng phòng hộ, trồng rừng sản xuất và phát triển lâm sản ngoài gỗ trên diện tích đất lâm nghiệp là 06 tháng. Xác định tổng mức gạo trợ cấp đối với hộ gia đình này như sau:

(05 khẩu x 15 kg/khẩu/tháng x 6 tháng = 450 kg gạo)

¹ 180 kg/khẩu/năm là mức lương thực bình quân đầu người tính theo mức quy định tại Thông tư số 12/2022/TT-BNNPTNT (15 kg/khẩu x 12 tháng = 180 kg);

² 360 kg gạo/hộ/năm là số lượng gạo tối đa trợ cấp cho 01 hộ gia đình có 04 khẩu; thời gian trợ cấp tối đa là 06 tháng (04 khẩu x 15 kg gạo/khẩu/tháng x 6 tháng = 360 kg gạo/hộ/năm)

Vậy số lượng gạo trợ cấp cho gia đình ông C áp dụng mức tối đa là 360 kg gạo

b) Phân tích ưu nhược điểm:

- Ưu điểm: Phương pháp này mang tính cào bằng, số lượng nhân khẩu/hộ và số lượng gạo trợ cấp tối đa cho 01 hộ được khống chế ở một mức tối đa (***không quá 04 khẩu/hộ; số lượng gạo tối đa không quá 360kg/hộ***), hạn chế được tình trạng khiếu kiện; số lượng lương thực trợ cấp hàng năm đảm bảo đủ ăn cho cho mỗi hộ gia đình để tham gia các hoạt động lâm sinh; phù hợp với mục tiêu bảo vệ và phát triển rừng của Tiêu dự án 1 – Dự án 3.

- Nhược điểm: Chưa phát huy được tính cạnh tranh trong công tác bảo vệ và phát triển rừng. Bởi vì hộ nào thuộc đối tượng và tham gia các hoạt động lâm sinh đều được trợ cấp gạo.

c) Ý kiến của sở, ngành, địa phương:

Đồng ý

Không đồng ý

Ý kiến khác

Kính đề nghị các sở, ban, ngành và UBND các huyện quan tâm, **có ý kiến đối với từng nội dung đã nêu** và gửi văn bản về Sở Nông nghiệp và PTNT trước ngày **10/4/2024** để kịp tổng hợp, trình UBND tỉnh ban hành./.

(xin gửi kèm (1) Phụ lục Dự án mẫu trợ cấp gạo; (2) Dự thảo Quy định trợ cấp gạo để các sở, ngành và địa phương tham khảo; đề nghị các đơn vị tham gia góp ý vào Dự án mẫu)

Nơi nhận:

- Như trên;
- UBND tỉnh (b/c);
- Giám đốc Sở;
- Phòng KH-TC Sở;
- Lưu: VT, KHTC_{Thủy}.

GIÁM ĐỐC

Hồ Trọng Phương